TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **240/***2018/QĐST/HNGĐ*

M, ngày 30 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 313/2018/TLST-HNGĐ ngày 17/10/2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992;

Nơi ĐKNKTT và cư trú tại: Thôn V, xã V, huyện M, Thành phố H

- Bị đơn: Anh Lê Duy C, sinh năm 1981.

Nơi ĐKNKTT và cư trú tại: Thôn Văn Q, xã V, huyện M, Thành phố H

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 23 ngày 14/02/2011 tại UBND xã V, huyện M, thành phố H.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 10 năm 2018 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 22/10/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Duy C

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: anh chị có 02 con chung là Lê Mạnh Đ, sinh ngày 28/11/2011 và Lê Duy Khánh T, sinh ngày 13/7/2015.

Giao cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Duy Khánh T cho đến khi cháu T thành niên, đủ 18 tuổi;

Giao cho anh C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Mạnh Đ cho đến khi cháu Đ thành niên, đủ 18 tuổi;

Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị T và anh C đối với nhau cho đến khi có sự thay đổi khác.

Hai bên có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung; tài sản riêng; công sức; công nợ: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị T tự nguyện nộp toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016716 ngày 16/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Hoàn trả lại chị T số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai trên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND M.*
- *Chi cục THADS M*
- *CQ đã thực hiện việc ĐKKH*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ; VP.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kim T